

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MANULIFE VIỆT NAM
(Sửa đổi bổ sung theo quy định mới tại Luật Doanh Nghiệp)

Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2010 sửa đổi một số điều của Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 ("**Luật Chứng Khoán**");
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán ("**Nghị Định 58**") và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định 58; và
- Thông Tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 05 tháng 12 năm 2012 hướng dẫn thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ ("**Thông Tư 212**").

CHƯƠNG I

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1 Định nghĩa

Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

"Công ty" có nghĩa là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam, một Công ty được đăng ký và thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam và Giấy phép thành lập và hoạt động;

"Chủ Sở Hữu" nghĩa là Công ty TNHH Manulife (Việt Nam), chủ sở hữu duy nhất của Công ty; là Công ty bảo hiểm nhân thọ được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 13/GP do Bộ Tài Chính cấp ngày 24/01/2005, có trụ sở chính tại 75 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP.HCM, Việt Nam;

"Chủ tịch" nghĩa là Chủ tịch Công ty, được bổ nhiệm theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ này;

"Điều lệ" nghĩa là Điều lệ này và bất kỳ các điều khoản tiếp theo sau và các điều khoản sửa đổi được chấp thuận bởi Hội đồng thành viên của Chủ Sở Hữu Công ty;



“Vốn Điều lệ” nghĩa là tổng giá trị tài sản do Chủ Sở Hữu Công ty đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập Công ty và được quy định tại Điều 8 của Điều lệ này;

“Quỹ” nghĩa là quỹ đầu tư chứng khoán;

“Người Hành nghề quản lý quỹ” nghĩa là người được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Chứng chỉ hành nghề chứng khoán và làm việc tại các vị trí chuyên môn trong Công ty;

“Người điều hành quỹ” là Người Hành nghề quản lý quỹ được Công ty chỉ định để quản lý, điều hành hoạt động đầu tư của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán;

“Giấy phép thành lập và hoạt động” nghĩa là Giấy phép thành lập và hoạt động do các Cơ quan Nhà nước có liên quan cấp cho Công ty;

“Người Quản lý của Công ty” nghĩa là Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;

“Quỹ thành viên” nghĩa là quỹ đầu tư chứng khoán có số lượng thành viên thực tế góp vốn không vượt quá 30 thành viên là pháp nhân trong nước và tổ chức nước ngoài được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

“Người có liên quan” nghĩa là tổ chức hoặc cá nhân có quan hệ với nhau theo quy định tại Điều 6.34 của *Luật Chứng khoán* trong các trường hợp sau:

- (a) Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
- (b) Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết
- (c) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- (d) Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- (e) Công ty mẹ, công ty con;
- (f) Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.

“UBCKNN” nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

“Việt Nam” nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam; và

“Đồng Việt Nam” hoặc **“Đồng”** nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam.

Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong *Luật Chứng Khoán*,

Luật Doanh Nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2 Tên Công ty

- 2.1 Tên tiếng Việt của Công ty: CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MANULIFE VIỆT NAM
- 2.2 Tên tiếng Anh của Công ty: Manulife Asset Management (Vietnam) Company Limited
- 2.3 Tên giao dịch của Công ty: Manulife Asset Management (Vietnam) Company Limited
- 2.4 Tên viết tắt của Công ty: MAMV Co., Ltd
- 2.5 Việc thay đổi tên Công ty phải được sự chấp thuận của UBCKNN

Điều 3 Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm

- 3.1 Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là tổ chức thành lập và hoạt động từ ngày trên Giấy phép thành lập và hoạt động.
- 3.2 Toàn bộ hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật Việt Nam và quy định tại Giấy phép thành lập và hoạt động, Điều lệ này, và các Giấy phép của các Cơ quan Nhà nước có liên quan, hoặc Giấy phép cần thiết cho mục tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 3.3 Chủ Sở Hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi Vốn Điều lệ của Công ty.
- 3.4 Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng, độc lập về tài chính.
- 3.5 Công ty được thành lập trên cơ sở tự nguyện tham gia góp vốn của Chủ Sở Hữu.
- 3.6 Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không được quyền phát hành cổ phần.

Điều 4 Địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện

- 4.1 Trụ sở đăng ký của công ty:
 - Địa chỉ: Tầng 4, Manulife Plaza, 75 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: (08) 54 166 777

- Fax: (08) 54 160 761
- Địa chỉ trang web: www.manulifeam.com.vn

4.2 Căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, Công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện. Việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện; thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính, trụ sở chi nhánh hoặc văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của UBCKNN theo các quy định pháp luật.

Điều 5 *Mục tiêu hoạt động và lĩnh vực kinh doanh*

5.1 Mục tiêu hoạt động: Thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán, và dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

5.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh đã ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do UBCKNN cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- Thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán;
- Huy động và quản lý các quỹ đầu tư nước ngoài có mục tiêu đầu tư tại thị trường Việt Nam
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán; và
- Các hoạt động kinh doanh khác được pháp luật cho phép.

Điều 6 *Thời hạn hoạt động*

Thời hạn hoạt động của công ty là vô thời hạn bắt đầu từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ khi bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Chủ Sở Hữu hoặc theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 7 *Người đại diện theo pháp luật*

7.1 Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- 7.2 Công ty có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 7.3 Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 8 *Vốn Điều lệ và thay đổi Vốn Điều lệ*

- 8.1 Vốn Điều lệ của Công ty là 83.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Tám mươi ba tỷ Việt Nam Đồng) do Chủ Sở Hữu đóng góp bằng tiền.
- 8.2 Công ty có thể thay đổi Vốn Điều lệ trong các trường hợp sau đây:
- (a) Hoàn trả một phần vốn góp trong Vốn Điều lệ của Công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn hai (02) năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho Chủ Sở Hữu;
 - (b) Vốn Điều lệ không được Chủ Sở Hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 74 của Luật Doanh Nghiệp.
- 8.3 Công ty tăng Vốn Điều lệ bằng việc Chủ Sở Hữu Công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ Sở Hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng Vốn Điều lệ.
- 8.4 Trường hợp tăng Vốn Điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, Công Ty phải tổ chức quản lý theo một trong hai loại hình sau đây:
- (a) Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên và Công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi Vốn Điều lệ;
 - (b) Công ty cổ phần theo quy định tại Điều 196 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 9 *Quyền của Chủ Sở Hữu*

Chủ Sở Hữu có các quyền sau đây:

- (a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- (b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- (c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức những Người Quản lý Công ty;
- (d) Quyết định các dự án đầu tư có bất kỳ giá trị nào trong tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- (e) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- (f) Thông qua hợp đồng cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ Công ty quy định có bất kỳ giá trị nào trong tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- (g) Quyết định bán tài sản có bất kỳ giá trị nào trong tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- (h) Quyết định tăng Vốn Điều lệ; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ Vốn Điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
- (i) Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào Công ty khác;
- (j) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty;
- (k) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
- (l) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty; và
- (m) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

Điều 10 Nghĩa vụ của Chủ Sở Hữu

Chủ Sở Hữu có các nghĩa vụ sau đây:

- (a) Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết, nếu vi phạm nghĩa vụ góp vốn như đã cam kết, Chủ Sở Hữu phải chịu trách nhiệm cho toàn bộ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.
- (b) Tuân thủ Điều lệ;
- (c) Xác định và tách biệt tài sản của Chủ Sở Hữu và tài sản của Công ty; và
- (d) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty và Chủ Sở Hữu.
- (e) Chủ Sở Hữu chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số Vốn Điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Chủ Sở Hữu sẽ liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.
- (f) Chủ Sở Hữu không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- (g) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 11 Thực hiện quyền của Chủ Sở Hữu Công Ty trong một số trường hợp đặc biệt

- 11.1 Trường hợp Chủ Sở Hữu Công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần Vốn Điều Lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc Công ty kết nạp thêm thành viên mới, Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới.
- 11.2 Trường hợp Chủ Sở Hữu Công ty là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản thì người nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Chủ Sở Hữu sẽ trở thành chủ sở hữu hoặc thành viên Công ty. Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Điều 12 Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty

Công ty sẽ hoạt động theo hình thức Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên với một tổ chức là chủ sở hữu.

Điều 13 Tổng Giám đốc

Chủ tịch Công ty bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc với nhiệm kỳ không quá năm (05) năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chủ tịch Công ty có thể kiêm Tổng giám đốc trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ Công ty có quy định khác.

Điều 14 Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- (a) Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ Sở Hữu ;
- (b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- (d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- (e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ Sở Hữu;

- (f) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty;
- (g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;
- (h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Chủ Sở Hữu;
- (i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- (j) Tuyển dụng lao động; và
- (k) Các quyền và nhiệm vụ khác được chỉ định bởi Chủ Sở Hữu trong từng giai đoạn.

Điều 15 *Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc*

Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- 15.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và pháp luật đầy đủ; không thuộc trường hợp đang chấp hành hình phạt tù hoặc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
- 15.2 Không bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong thời hạn hai (02) năm, tính tới thời điểm được bổ nhiệm;
- 15.3 Có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm tại các bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
- 15.4 Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ hoặc có một trong các văn bằng, chứng chỉ quốc tế sau:
 - (a) Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản tại các quốc gia là thành viên của tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD); hoặc
 - (b) Đã thi đạt chứng chỉ quốc tế về phân tích đầu tư CFA bậc II (Chartered Financial Analyst level II), hoặc CIIA bậc II (Certified International Investment Analyst - Final level).
- 15.5 Tính tới thời điểm được bổ nhiệm, là người hành nghề kinh doanh chứng khoán chưa từng có các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 80 Luật Chứng Khoán;
- 15.6 Không kiêm nhiệm là nhân viên của các tổ chức kinh tế khác và tuân thủ các quy định về trách nhiệm người hành nghề chứng khoán tại Điều 81 Luật Chứng Khoán; và
- 15.7 Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Công ty; Đáp ứng được các điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định của Luật Chứng Khoán.

[illegible]

- 18.3 Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của kiểm soát viên có thể do Chủ Sở Hữu Công ty chi trả trực tiếp theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 19 Kiểm soát nội bộ

- 19.1 Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với cơ cấu tổ chức của Công ty, thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ trực thuộc ban điều hành và ban hành các quy định về kiểm soát nội bộ bao gồm chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy định nội bộ khác. Nhân viên của bộ phận kiểm soát nội bộ phải đáp ứng được các yêu cầu theo quy định của pháp luật.
- 19.2 Bộ phận kiểm soát nội bộ có trách nhiệm:
- 19.2.1 Giám sát bảo đảm hoạt động của từng vị trí, từng bộ phận và của cả Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, chính sách, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của mọi nhân viên trong Công ty đối với các hoạt động đã được giao, phân cấp, ủy quyền theo nguyên tắc:
- (a) Cơ chế phân cấp, ủy quyền phải rõ ràng, cụ thể, minh bạch, bảo đảm tách bạch nhiệm vụ, quyền hạn của các cá nhân, các bộ phận trong Công ty. Quy trình nghiệp vụ phải bảo đảm tách biệt được giữa các chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí, bộ phận trong Công ty, từ hoạt động phân tích, thẩm định, chấp thuận hoặc phê duyệt hoặc quyết định thực hiện, tổ chức thực hiện, báo cáo và giám sát sau khi đầu tư; và
 - (b) Một cá nhân không được đảm nhiệm nhiều vị trí mà có thể thực hiện các hoạt động, nghiệp vụ có mục đích, lợi ích mâu thuẫn với nhau hoặc chồng chéo. Nhân sự được bố trí, bảo đảm một người không thể độc lập, tự mình ra quyết định và thực hiện từ hai hoạt động trở lên trong toàn bộ quy trình nghiệp vụ, từ phân tích đầu tư, thẩm định, phê duyệt đầu tư, quyết định đầu tư, thực hiện giao dịch và đầu tư, báo cáo kết quả giao dịch, thực hiện việc quản lý và giám sát đầu tư sau giao dịch mà không cần tham vấn các bộ phận, cá nhân khác.
- 19.2.2 Tham gia xây dựng, giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách, quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Công ty nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích; giám sát việc thực hiện quy tắc đạo đức nghề nghiệp; tổng hợp, lưu trữ, thống kê và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty.
- 19.2.3 Tham gia xây dựng quy trình, tổ chức thực hiện công tác quản trị rủi ro cho hoạt động của Công ty và cho từng khách hàng ủy thác; kịp thời nhận diện, đánh giá mức độ rủi ro, thiết lập hạn mức đầu tư và có biện pháp ngăn ngừa, quản lý các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động đầu tư của Công ty và của khách hàng ủy thác.
- 19.2.4 Giám sát bảo đảm giá trị tài sản ròng của danh mục, chứng chỉ quỹ được định giá phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ; tài sản và các nguồn lực của Công ty được quản lý an toàn, hiệu quả; tài sản khách hàng được quản lý tách biệt, độc lập; báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, báo cáo về các chỉ tiêu an toàn tài chính và các báo cáo khác của Công ty

được lập trung thực, chính xác, kịp thời, cập nhật đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- 19.2.5 Giám sát, bảo đảm hệ thống thông tin tài chính và quản lý trung thực, đầy đủ, kịp thời và chính xác; có hệ thống thông tin dự phòng để kịp thời xử lý những tình huống như thiên tai, cháy, nổ.... bảo đảm duy trì hoạt động liên tục của Công ty.
- 19.2.6 Đề xuất phương án giải quyết, xử lý tranh chấp, xung đột lợi ích, khiếu kiện từ khách hàng, đối tác; các phương án dự phòng khắc phục hậu quả khi sự cố khi xảy ra.
- 19.2.7 Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ trong trường hợp Công ty không phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 20 Kiểm toán nội bộ

- 20.1 Công ty phải thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ. Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu Công ty.
- 20.2 Bộ phận kiểm toán nội bộ có trách nhiệm:
- (a) Kiểm tra, đánh giá cơ cấu tổ chức, hoạt động quản trị Công ty, hoạt động điều hành, phối hợp của từng bộ phận, từng vị trí công tác nhằm ngăn ngừa các xung đột lợi ích, bảo vệ quyền lợi của khách hàng;
 - (b) Kiểm tra, đánh giá mức độ đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả, mức độ tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty; hệ thống kiểm soát nội bộ; các chính sách, quy trình nội bộ, bao gồm quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, quy trình nghiệp vụ, quy trình và hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống công nghệ thông tin, kế toán, quy trình và hệ thống báo cáo, công bố thông tin, quy trình tiếp nhận và xử lý tố cáo, khiếu kiện từ khách hàng, và các quy định nội bộ khác;
 - (c) Kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính trung thực, mức độ cẩn trọng, tuân thủ các quy trình nghiệp vụ và quản trị rủi ro;
 - (d) Thực hiện việc kiểm toán toàn bộ hoạt động của tất cả các bộ phận trong Công ty tối thiểu mỗi năm một lần; và
 - (e) Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Công ty; theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán đã được hội đồng thành viên, chủ tịch Công ty phê duyệt.
- 20.3 Nhân sự, cơ cấu nhân sự của bộ phận kiểm toán nội bộ phải đáp ứng điều kiện sau:
- (a) Có năng lực hành vi dân sự và pháp luật đầy đủ, không thuộc trường hợp đang chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án cấm hành nghề kinh doanh;
 - (b) Không bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong thời hạn hai (02) năm, tính tới thời điểm được bổ nhiệm;

- (c) Đáp ứng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông Tư 212 ; hoặc có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán; hoặc có chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- (d) Không kiêm nhiệm làm việc tại các bộ phận khác của công ty quản lý quỹ; và
- (e) Có tối thiểu một nhân viên có chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên, hoặc chứng chỉ quốc tế về kế toán, kiểm toán như ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants), CA (Chartered Accountants), ACA (Associate Chartered Accountants); hoặc đã thi đạt một số môn của chương trình đào tạo thi lấy chứng chỉ hành nghề kiểm toán viên bao gồm Pháp luật về kinh tế; tài chính; tiền tệ, tín dụng; kế toán; kiểm toán; phân tích hoạt động tài chính theo quy định pháp luật liên quan; hoặc đã có thời gian công tác từ ba (03) năm trở lên ở bộ phận pháp chế, thanh tra, quản lý, giám sát hoạt động các tổ chức tài chính tại các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán nhà nước.

Điều 21 Kiểm Soát Viên

- 21.1 Chủ tịch Công ty thay mặt Chủ Sở Hữu bổ nhiệm một Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá năm (5) năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ Sở Hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.
- 21.2 Kiểm soát viên có các nhiệm vụ sau đây:
- (a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch Công ty và Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
 - (b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Chủ Sở Hữu Công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình Chủ Sở Hữu Công ty báo cáo thẩm định;
 - (c) Kiến nghị Chủ Sở Hữu Công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
 - (d) Tham dự và thảo luận tại các cuộc họp trong Công ty;
 - (e) Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ Công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của Chủ Sở Hữu Công ty.
- 21.3 Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Công Ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của Công Ty (nếu có). Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
- 21.4 Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- (a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;

- (b) Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Công ty, Tổng giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên; và
- (c) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ VÀ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 22 *Các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ*

- 22.1 Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ. Thực hiện việc quản lý tài sản ủy thác theo quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư. Công ty phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của khách hàng ủy thác.
- 22.2 Công ty là đại diện theo ủy quyền của khách hàng ủy thác, thay mặt cho khách hàng ủy thác để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của khách hàng ủy thác một cách trung thực và cẩn trọng.
- 22.3 Ngoài trừ quỹ mở, Công ty được hưởng phí thưởng phù hợp với các quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư. Mức phí thưởng bảo đảm tuân thủ nguyên tắc sau:
 - (a) Được tính trên cơ sở phần lợi nhuận hàng năm của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán vượt trội so với lợi nhuận tham chiếu được xác định dựa vào tỷ lệ tăng trưởng chỉ số thị trường, cơ cấu danh mục đầu tư và các chỉ tiêu khác quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư; và
 - (b) Phải tính giảm trừ, hoặc không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liên tiếp bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.
- 22.4 Khi quản lý tài sản ủy thác, Công ty phải:
 - (a) Ký hợp đồng lưu ký hoặc giám sát với ngân hàng lưu ký đối với quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, danh mục đầu tư ủy thác; ký hợp đồng giám sát với ngân hàng giám sát đối với quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; lưu ký toàn bộ tài sản phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin dữ liệu về sở hữu, bản gốc các tài liệu pháp lý xác minh quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát;

Trường hợp đầu tư tiền gửi cho khách hàng ủy thác, Công ty chỉ được gửi tại các ngân hàng trong danh sách được khách hàng ủy thác phê duyệt; lưu trữ

bản gốc hoặc bản sao hợp lệ hợp đồng tiền gửi, hợp đồng vay, tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với ngân hàng nhận tiền gửi;

Trường hợp đầu tư, góp vốn; giao dịch các tài sản, phần vốn góp, cổ phiếu chưa niêm yết cho khách hàng ủy thác; Công ty phải lưu trữ bản gốc các hợp đồng, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu có), sổ cổ đông hoặc tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để các tổ chức này định kỳ đối soát với tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư;

- (b) Xây dựng hệ thống thông tin quản lý các tài khoản của khách hàng ủy thác tại Công ty bảo đảm nguyên tắc quản lý độc lập và tách biệt tài sản từng khách hàng ủy thác, tách biệt tài sản ủy thác và tài sản của chính Công ty; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của khách hàng ủy thác; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của từng khách hàng ủy thác và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
- (c) Thiết lập cơ chế kiểm tra, thường xuyên đối soát ba bên bảo đảm có sự thống nhất về dữ liệu tài sản ủy thác trên hệ thống tài khoản khách hàng ủy thác quản lý tại Công ty, hệ thống lưu ký tài sản của khách hàng ủy thác tại ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát với các tổ chức phát hành, Trung tâm Lưu ký chứng khoán, tổ chức quản lý sổ đăng ký cổ đông, chủ dự án, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, ngân hàng nhận tiền gửi. Công ty có trách nhiệm thiết lập cơ chế để ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chủ động, trực tiếp đối soát với các tổ chức nêu trên nhằm kiểm tra, giám sát, tổng hợp đầy đủ và chính xác thông tin về việc lưu ký, đăng ký sở hữu và quản lý tài sản ủy thác;
- (d) Thực hiện việc đầu tư tài sản ủy thác theo các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư; và
- (e) Phân công tối thiểu hai (02) người điều hành quỹ để quản lý mỗi quỹ, mỗi công ty đầu tư chứng khoán. Những người điều hành quỹ nêu trên phải có kinh nghiệm thực tế trong hoạt động quản lý tài sản ít nhất hai (02) năm và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán. Thông tin về trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý tài sản của người điều hành quỹ phải được công khai tại bản cáo bạch.

22.5 Công ty phải thiết lập quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản giao dịch một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho khách hàng ủy thác và cho bản thân công ty. Quy trình này phải được cung cấp cho khách hàng ủy thác, ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất.

Trường hợp Công ty mua hoặc bán cùng một loại tài sản tại cùng một thời điểm cho nhiều khách hàng ủy thác và cho bản thân Công ty, việc phân bổ tài sản giao dịch được thực hiện theo trật tự ưu tiên sau:

- (a) Ưu tiên phân bổ tài sản giao dịch cho khách hàng ủy thác. Việc phân bổ tài sản giữa các khách hàng ủy thác phải công bằng, theo đúng quy trình phân bổ tài sản áp dụng thống nhất của Công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản

phân bổ cho từng đối tượng khách hàng, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro hoặc các tiêu chí khác theo quy định nội bộ của Công ty và đã thông báo cho khách hàng ủy thác. Trường hợp tài sản được mua hoặc bán tại các mức giá khác nhau, Công ty phải sử dụng mức giá bình quân gia quyền để phân bổ tài sản;

- (b) Việc phân bổ tài sản cho bản thân Công ty chỉ được thực hiện sau khi đáp ứng đầy đủ các lệnh giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác. Trường hợp Công ty biết thông tin nội bộ, hoặc biết lệnh giao dịch tài sản ủy thác có thể ảnh hưởng lớn tới giá của một loại tài sản, Công ty không được giao dịch cùng loại tài sản đó hoặc tiết lộ cho bên thứ ba giao dịch tài sản đó; và
- (c) Việc phân bổ tài sản phải được thông báo cho ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát để thực hiện ngay trong ngày giao dịch.

22.6 Trong hoạt động quản trị quỹ, Công ty có trách nhiệm bảo đảm:

- (a) Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư của khách hàng ủy thác; giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật, điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư; và
- (b) Lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời, đầy đủ và chính xác sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông. Nội dung sổ đăng ký nhà đầu tư, sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quy định về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán.

22.7 Công ty được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động phải tuân thủ quy định của pháp luật và các quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

22.8 Công ty có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin cần thiết về khách hàng ủy thác, thông tin về giao dịch tài sản ủy thác, thông tin về nơi lưu ký tài sản ủy thác, các thông tin liên quan khác (nếu có) và tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký theo yêu cầu bằng văn bản của các tổ chức này để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm đối với khách hàng ủy thác theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng ủy thác với ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký.

22.9 Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ về các giao dịch tài sản ủy thác trái với quy định hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư thì công ty quản lý quỹ phải huỷ bỏ giao dịch, hoặc thực hiện các giao dịch nhằm khôi phục vị thế cho khách hàng ủy thác. Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Trường hợp các giao dịch này phát sinh lợi nhuận, mọi khoản lợi nhuận phải hạch toán cho khách hàng ủy thác.

22.10 Công ty phải xây dựng và triển khai áp dụng thống nhất các quy trình nghiệp vụ, sổ tay định giá, chính sách kế toán phù hợp các quy định của pháp luật liên quan và khách hàng ủy thác. Công ty phải xây dựng quy trình kiểm soát

nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp chi tiết tới từng vị trí công tác. Quy định về việc tuân thủ bộ đạo đức nghề nghiệp của công ty là điều khoản bắt buộc của hợp đồng lao động giữa công ty và người lao động trong công ty.

- 22.11 Công ty phải xây dựng quy trình và thiết lập cơ cấu tổ chức, hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với quy mô hoạt động của công ty, loại hình quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và đối tượng khách hàng mà mình đang quản lý. Hệ thống quản trị rủi ro phải dựa trên các chính sách, quy trình quản trị rủi ro xây dựng theo thông lệ quốc tế phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam, bảo đảm nhận diện đầy đủ, xác định được quy mô rủi ro tiềm ẩn trong các hoạt động của công ty, rủi ro tiềm ẩn trong các quy trình nghiệp vụ, hệ thống của công ty, rủi ro tiềm ẩn trong danh mục đầu tư của từng khách hàng ủy thác. Tùy vào loại hình rủi ro, mức độ phức tạp của tài sản đầu tư và yêu cầu của khách hàng ủy thác, công ty phải đưa ra mức độ chấp nhận rủi ro phù hợp. Chi tiết về quy trình, hệ thống quản trị rủi ro thực hiện theo hướng dẫn bổ sung của UBCKNN.
- 22.12 Công ty chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho khách hàng ủy thác do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của Công ty hoặc do Công ty không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư. Việc bồi thường cho quỹ mở, nhà đầu tư vào quỹ mở thực hiện theo quy định của pháp luật về thành lập và quản lý quỹ mở và thỏa thuận giữa các bên liên quan. Việc bồi thường cho quỹ đóng, quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác khác thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên liên quan.
- 22.13 Công ty phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nhân viên nghiệp vụ (nếu xét là cần thiết), hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật để bồi thường thiệt hại cho khách hàng ủy thác trong các trường hợp quy định của pháp luật.
- 22.14 Công ty có trách nhiệm thực hiện, yêu cầu các đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan xây dựng, thiết lập hệ thống và tổ chức thực hiện quy trình tổng hợp thông tin, nhận diện khách hàng theo các quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền và các quy định của pháp luật về môi giới, giao dịch chứng khoán.
- 22.15 Công ty bảo đảm việc đầu tư tài sản của khách hàng ủy thác là cá nhân, tổ chức nước ngoài tuân thủ đúng các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối, tỷ lệ sở hữu tại các doanh nghiệp Việt Nam tại thời điểm đầu tư.
- 22.16 Việc sử dụng tài sản ủy thác huy động tại Việt Nam để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài, quản lý ngoại hối và các quy định của pháp luật liên quan. Việc đầu tư này chỉ được thực hiện nếu điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư có điều khoản cho phép thực hiện. Trước khi thực hiện, Công ty phải được đại hội nhà đầu tư, đại hội đồng thành viên, đại hội đồng cổ đông công ty đầu tư chứng khoán, khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

22.17 Khi thực hiện giao dịch tài sản cho khách hàng ủy thác, Công ty phải bảo đảm:

- (a) Đối với các tổ chức là quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:
 - Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua một công ty chứng khoán không được vượt quá 50% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của tổ chức đó; và
 - Khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm thông qua công ty chứng khoán là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, không được vượt quá 20% tổng khối lượng hoặc giá trị giao dịch trong năm của tổ chức đó.
- (b) Đối với các khách hàng ủy thác khác, Công ty phải tuân thủ quy định tại điểm (a) khoản này, trừ trường hợp Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về lợi ích của công ty quản lý quỹ với công ty chứng khoán liên quan và khách hàng ủy thác có văn bản chấp thuận cho phép không cần áp dụng quy định nêu trên.

22.18 Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin của khách hàng, thông tin về giao dịch tài sản, danh mục đầu tư của khách hàng và các thông tin khác liên quan, trừ trường hợp cung cấp thông tin cho UBCKNN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu.

22.19 Công ty phải bảo đảm:

- (a) Tách biệt về trụ sở, hạ tầng công nghệ thông tin với các tổ chức kinh tế khác. Trường hợp công ty sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin của công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan thì phải sử dụng cơ chế phân quyền và hạn chế sử dụng, bảo đảm các bộ phận công ty mẹ, công ty con hoặc tổ chức là người có liên quan không truy cập được vào hệ thống máy tính, cơ sở dữ liệu của Công ty; và
- (b) Tách biệt về cơ sở dữ liệu giữa các bộ phận nghiệp vụ tiềm ẩn xung đột lợi ích trong công ty, trong đó có sự tách biệt giữa bộ phận quản lý tài sản ủy thác; bộ phận nghiên cứu, phân tích đầu tư và bộ phận thực hiện đầu tư. Hệ thống máy tính và cơ sở dữ liệu được phân quyền tới từng cá nhân, bộ phận, phù hợp với vị trí công tác theo quy định về kiểm soát nội bộ.

22.20 Trong hoạt động kinh doanh, Công ty phải bảo đảm:

- (a) Vốn kinh doanh dành cho hoạt động đầu tư tài chính phải là từ nguồn vốn chủ sở hữu, không phải là vốn vay dưới mọi hình thức;
- (b) Không được cho vay, hoặc giao vốn của Công ty cho người có liên quan và các tổ chức, cá nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu được phát hành theo quy định của pháp luật;
- (c) Hợp đồng kinh tế, giao dịch (nếu có) giữa Công ty với cổ đông, thành viên góp vốn từ 35% vốn điều lệ trở lên, thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, thành viên ban kiểm soát, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ; người có liên quan của những đối tượng nêu trên; chỉ được thực hiện sau khi có số cổ đông, thành viên góp vốn đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý hoặc được chủ sở hữu đồng ý bằng văn bản;

- (d) Được sử dụng các nguồn vốn huy động hợp pháp, kể cả vốn vay, để đầu tư vào bất động sản với mục đích sử dụng làm trụ sở làm việc. Trường hợp không sử dụng hết trụ sở, Công ty có thể cho thuê lại;
- (e) Trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, Công ty có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN nước về các hạng mục đầu tư theo quy định của pháp luật; và
- (f) Không được góp vốn thành lập, mua cổ phần hoặc phần vốn góp tại công ty quản lý quỹ khác, công ty chứng khoán tại Việt Nam, ngoại trừ các trường hợp sau:
 - Hoạt động hợp nhất, sáp nhập; hoặc
 - Mua để sở hữu hoặc cùng với người có liên quan sở hữu không quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của công ty quản lý quỹ, công ty chứng khoán đã đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán.

22.21 Khi quản lý vốn đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán, Công ty phải bảo đảm:

- (a) Chịu sự giám sát của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát và chịu trách nhiệm trước đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao, các quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;
- (b) Thiết lập hệ thống, xây dựng quy trình và thực hiện việc quản trị rủi ro phù hợp với chính sách đầu tư và loại tài sản đầu tư và báo cáo đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị về công tác quản trị rủi ro;
- (c) Chỉ đưa ra các quyết định đầu tư, thoái vốn đầu tư hàng ngày của công ty đầu tư chứng khoán mà không cần phải có quyết định của hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán, đại hội đồng cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư;
- (d) Thực hiện các chính sách đầu tư, quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị của công ty đầu tư chứng khoán theo quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán; thực hiện các giao dịch tài sản trong phạm vi hạn mức đầu tư, loại hình tài sản được phép đầu tư, khối lượng giao dịch và đối tượng giao dịch (nếu có) đã được quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư;
- (e) Kiến nghị phương án chi trả cổ tức, phương án điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ; phương án tái cấu trúc công ty đầu tư chứng khoán;
- (f) Ký các hợp đồng nhân danh công ty đầu tư chứng khoán theo thẩm quyền quy định tại điều lệ công ty đầu tư chứng khoán và hợp đồng quản lý đầu tư; và
- (g) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư và quyết định của đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán.

- 22.22 Trong hoạt động báo cáo sở hữu, công bố thông tin về giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty có trách nhiệm:
- (a) Công ty cùng với các khách hàng ủy thác, tuân thủ các quy định của pháp luật về báo cáo sở hữu và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với người có liên quan, người biết thông tin nội bộ;
 - (b) Nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin phát sinh kể từ thời điểm:
 - Số cổ phiếu do công ty quản lý quỹ (nếu có) và các khách hàng ủy thác (nếu có) sở hữu, đạt từ 5% trở lên tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức phát hành, hoặc
 - Công ty (nếu có) là người biết thông tin nội bộ theo quy định của pháp luật chứng khoán;
 - (c) Nội dung báo cáo sở hữu, công bố thông tin, phương thức công bố thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và
 - (d) Thực hiện các nghĩa vụ khác về báo cáo sở hữu và công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Trường hợp khách hàng ủy thác danh mục đầu tư đứng tên sở hữu tài sản ủy thác, khách hàng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- 22.23 Công ty có trách nhiệm hàng năm tổ chức đào tạo, tập huấn cho nhân viên hoặc yêu cầu các nhân viên hành nghề tham gia các khóa tập huấn do UBCKNN tổ chức (nếu có), bảo đảm đội ngũ nhân viên được cập nhật kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức về pháp luật. Thông tin về các hoạt động này của Công ty phải được gửi kèm trong báo cáo tình hình hoạt động hàng năm gửi UBCKNN.

Điều 23 *Hạn chế đối với hoạt động của Công ty và nhân viên làm việc tại Công ty*

- 23.1 Công ty không được huy động và quản lý quỹ thành viên có từ ba mươi một (31) thành viên góp vốn trở lên.
- 23.2 Công ty không được là người có liên quan của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán mà Công ty đang quản lý. Thành viên hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch Công ty, ban điều hành, nhân viên của Công ty không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
- 23.3 Người có liên quan của Công ty chỉ được giao dịch chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng mà Công ty đang quản lý khi điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán có quy định cho phép. Trường hợp là giao dịch trong đợt chào mua công khai hoặc trong đợt chào bán, phát hành ra công chúng, các giao dịch này được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với quỹ đóng, công ty

đầu tư chứng khoán đại chúng, quỹ đầu tư bất động sản), hoặc theo các phương thức quy định tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch (đối với quỹ mở).

- 23.4 Công ty, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thành viên hội đồng thành viên, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của Công ty chỉ được mua các tài sản trong danh mục tài sản ủy thác hoặc bán cho danh mục của khách hàng ủy thác mà Công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
- (a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - (b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, về phương thức xác định giá giao dịch, phí giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có).
- 23.5 Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của Công ty phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
- 23.6 Thành viên hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của Công ty không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa Công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại phí và mức phí đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ, điều lệ công ty đầu tư chứng khoán, hợp đồng quản lý đầu tư.
- 23.7 Trong hoạt động quản lý tài sản ủy thác, Công ty bảo đảm:
- (a) Không được sử dụng tài sản của quỹ, công ty đầu tư chứng khoán để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - (b) Không được sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khác do mình quản lý, hoặc ngược lại. Quy định này không áp dụng trong trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;
 - (c) Không được sử dụng tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng để đầu tư vào chính Công ty; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công ty; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) Vốn Điều Lệ;

Công ty có thể sử dụng vốn của quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ, tài sản của nhà đầu tư ủy thác trong hoạt động quản lý danh mục để đầu tư vào các tổ chức nêu trên trong trường hợp điều lệ quỹ, điều lệ công ty

đầu tư chứng khoán riêng lẻ, hợp đồng quản lý đầu tư, biên bản thỏa thuận góp vốn có quy định cho phép Công ty thực hiện việc đầu tư này với mức phí quản lý phù hợp;

- (d) Không được sử dụng tài sản ủy thác để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công ty, người có liên quan của Công ty, tổ chức, cá nhân khác;

Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật; hoặc khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên;

- (e) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

23.8 Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công ty chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- (a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua; và
- (b) Công ty thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

23.9 Công ty không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

CHƯƠNG V

TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

Điều 24 **Năm tài chính**

- 24.1 Phụ thuộc vào Điều 24.2 ở dưới, năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- 24.2 Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31/12 của năm đó.

Điều 25 **Kế toán, kiểm toán, thuế** 25.1 Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê và thực hiện các nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

- 25.2 Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận trước khi trình Chủ sở hữu công ty và Đại hội nhà đầu tư hoặc Đại hội thành viên quỹ đầu tư chứng khoán hoặc Đại hội đồng cổ đông Công ty đầu tư chứng khoán xem xét và thông qua. Các báo cáo được lập tuân thủ theo quy định của pháp luật cũng sẽ được Công ty cung cấp cho nhà đầu tư uy thác.

Điều 26 **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế của Công ty cuối năm tài chính được sử dụng để trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và phụ thuộc vào quyết định của Chủ Sở Hữu. Công ty chỉ trả lợi nhuận cho Chủ Sở Hữu khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đồng thời vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.

Điều 27 **Chế độ công bố thông tin và nghĩa vụ báo cáo**

- 27.1 Công ty có nghĩa vụ thực hiện chế độ công bố thông tin và báo cáo về hoạt động của Công ty và các quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán do Công ty quản lý theo quy định của pháp luật.
- 27.2 Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Công ty phải đảm bảo có đủ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính, chi nhánh và tại các văn phòng đại diện, văn phòng các đại lý phân phối của mình cũng như tại trang thông tin điện tử (website) của Công ty để nhà đầu tư tham khảo:
- (a) Điều lệ Quỹ, Điều lệ Công ty đầu tư chứng khoán, Bản cáo bạch;

- (b) Báo cáo tháng gần nhất và báo cáo năm của Quỹ, Công ty đầu tư chứng khoán trong năm (05) năm gần nhất;
 - (c) Bản đánh giá mới nhất về tổng giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật;
 - (d) Các tài liệu, báo cáo, hợp đồng dẫn chiếu trong Bản cáo bạch.
- Đối với nhà đầu tư ủy thác: Hợp đồng quản lý đầu tư với các thông tin cần thiết phải có trong hợp đồng.
- 27.3 Thông tin quy định tại Điều 27.2 ở trên được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty.

CHƯƠNG VI

GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

Điều 28 *Giải thể Công ty*

28.1 Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:

- (a) Theo quyết định của Chủ sở hữu;
- (b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

28.2 Trình tự giải thể công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 29 *Phá sản Công ty*

Việc phá sản công ty được tiến hành theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 30 *Tổ chức lại Công ty*

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty do Chủ Sở Hữu quyết định và thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31 *Hiệu lực của Điều lệ*

Phụ thuộc vào quy định về thủ tục đăng ký với UBCKNN, Điều lệ này có hiệu lực kể từ khi được Chủ Sở Hữu chấp thuận thông qua và thay thế Điều lệ ngày 01 tháng 07 năm 2014.

Điều 32 *Sửa đổi, bổ sung Điều lệ*

Các điều khoản này có thể được sửa đổi, bổ sung trên cơ sở quyết định của Chủ Sở Hữu công ty và phải báo cáo UBCKNN.

Điều 33 *Đăng ký Điều lệ và chữ ký*

Bản Điều lệ này gồm 7 chương, 33 Điều, được lập thành bản 08 bản (4 bản tiếng Anh và 4 bản tiếng Việt) có giá trị pháp lý như nhau và có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2015.

Tóm Tắt Nội Dung Sửa Đổi Điều Lệ ngày 01/7/2015

Điều Khoản Sửa Đổi	Nội Dung Sửa Đổi	Sửa Đổi Bởi	Phê Duyệt Bởi
Căn cứ pháp lý	Cập nhật: Luật Doanh Nghiệp mới; Nghị Định số 60/2015/NĐ-CP do Chính Phủ ban hành ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định 58	Nguyễn Lê Bích Đào – Trưởng Phòng Pháp Lý & Tuân Thủ	Trịnh Bích Ngọc – Chủ Tịch
Điều 1 – Định nghĩa	Cập nhật định nghĩa về “Vốn Điều lệ”, “Người Quản lý của Công ty” theo quy định mới của Luật Doanh Nghiệp		
Điều 3- Hình thức sở hữu và phạm vi trách nhiệm	Bổ sung Điều 3.6 theo quy định mới của Luật Doanh Nghiệp		
Điều 7 – Người đại diện theo pháp luật	Sửa đổi bổ sung theo quy định mới của Luật Doanh Nghiệp		
Điều 8 – Vốn Điều Lệ	Sửa đổi bổ sung theo quy định mới của Luật Doanh Nghiệp		
Điều 10 - Nghĩa vụ của Chủ Sở Hữu	Bổ sung Điều 10(e), (f), (g) theo quy định mới của Luật Doanh Nghiệp		
Điều 11 – Thực hiện quyền của Chủ Sở Hữu Công ty trong một số trường hợp đặc biệt	Xóa bỏ hoàn toàn Điều 11 – Hạn chế đối với quyền của Chủ Sở Hữu và thay thế mới hoàn toàn Điều 11 – Thực hiện quyền của Chủ Sở Hữu Công ty trong một số trường hợp đặc biệt theo quy định mới của Luật Doanh Nghiệp		
Điều 13 – Tổng Giám đốc	Sửa đổi Điều 13 theo quy định mới của Luật Doanh Nghiệp		
Điều 14 – Quyền và nhiệm vụ Tổng Giám đốc	Sửa đổi Điều 14(e) theo quy định mới của Luật Doanh Nghiệp		
Điều 16 – Chủ Tịch Công ty	Sửa đổi Điều 16.2 theo quy định mới của Luật Doanh Nghiệp		
Điều 18 – Thù lao, tiền lương và thưởng của người quản lý	Bổ sung Điều 18.1 và 18.3 theo quy định mới của Luật Doanh Nghiệp		

Công ty và Kiểm soát viên			
Điều 21 – Kiểm Soát Viên	Sửa đổi nhiệm kỳ của Kiểm soát viên từ 3 năm lên 5 năm theo quy định mới của Luật Doanh Nghiệp Bổ sung Điều 21(d) theo quy định mới của Luật Doanh Nghiệp		
Điều 32 cũ nay thành Điều 32 mới	Điều Lệ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 07 năm 2015.		

